

Số: /SKHĐT-THQH
V/v hướng dẫn xây dựng Kế hoạch
phát triển kinh tế - xã hội 5 năm
2021-2025 và Chương trình hành
động thực hiện Kế hoạch phát triển
kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025

Sơn La, ngày tháng 5 năm 2020

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Sơn La;
- UBND các huyện, thành phố.

Căn cứ Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;

Căn cứ Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 27/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các sở, ban, ngành, Cục Thống kê tỉnh, UBND các huyện, thành phố, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Sơn La triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 với những nội dung cụ thể như sau:

A. NHỮNG YÊU CẦU CHỦ YẾU KHI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025

Để việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 vừa đáp ứng được yêu cầu, đòi hỏi của thời kỳ đổi mới, hội nhập kinh tế quốc tế, vừa đảm bảo tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, các cấp, các ngành khi xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 cần bám sát các yêu cầu, định hướng, nội dung chủ yếu theo Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 27/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh; trong đó xác định những yêu cầu chủ yếu sau:

- Các cấp, các ngành cần phải nghiêm túc kiểm điểm, đánh giá một cách trung thực, khách quan, đầy đủ, toàn diện và sâu sắc những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân trong triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế trong giai đoạn 5 năm 2016-2020.

- Cần rút ra được những bài học kinh nghiệm trong triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và dự báo được những thuận lợi, khó khăn, thử thách trong thời gian tới để xây dựng định hướng, nhiệm vụ, giải pháp cho việc tổ chức thực hiện trong giai đoạn 5 năm tiếp theo 2021-2025.

- Các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng và giải pháp, chính sách phải bảo đảm tính khả thi, gắn kết với khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các

nguồn lực; cần phân tích, đánh giá, lựa chọn và sắp xếp thứ tự các mục tiêu ưu tiên trong kế hoạch; bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; bảo đảm lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững theo Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 cần tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và tham gia ý kiến của đông đảo các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp để nâng cao chất lượng và hiệu quả của kế hoạch.

B. NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH KHI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH 5 NĂM 2021-2025

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2016-2020

Căn cứ các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, Nghị quyết của HĐND các cấp về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, các quyết định, chỉ thị của UBND tỉnh trong việc điều hành, chỉ đạo thực hiện kế hoạch hàng năm, đề nghị các sở, ban, ngành và các huyện, thành phố tập trung chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 để phấn đấu hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 ở mức cao nhất.

Trên cơ sở tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các năm 2016-2019 và ước thực hiện kế hoạch năm 2020, đề nghị các sở, ban, ngành và các huyện, thành phố đánh giá khách quan, trung thực, sát thực tiễn và đầy đủ những kết quả đạt được, nội dung chủ yếu cần tập trung đánh giá bao gồm:

1. Đánh giá tình hình triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội và môi trường đã đề ra, trong đó phân tích rõ những kết quả đạt được; các khó khăn vướng mắc và nguyên nhân không hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu theo kế hoạch.

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trong 5 năm 2016-2020, gồm những nội dung chủ yếu sau:

2.1. Việc triển khai thực hiện các đột phá về xây dựng, hoàn thiện và triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, các đề án, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; cải thiện và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

2.2. Đánh giá về tình hình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế; trong đó chú trọng đánh giá để làm rõ những chuyển biến góp phần làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phân tích và làm rõ chất lượng tăng trưởng của từng ngành, lĩnh vực, khả năng cạnh tranh của các sản phẩm chủ yếu, năng lực sản xuất mới tăng thêm trong giai đoạn 2016-2020. Một số nội dung tập trung đánh giá như sau:

2.2.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

- Đánh giá về chuyển đổi cơ cấu nội bộ ngành, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Việc ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm; sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ; xây dựng các vùng sản xuất tập trung tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp.

- Đánh giá kết quả triển khai một số chương trình, dự án trọng điểm theo chủ trương của tỉnh: chương trình phát triển cây cao su, trồng cây ăn quả trên đất dốc, phát triển cây dược liệu, phát triển các chuỗi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông sản an toàn.

- Đánh giá kết quả triển khai thực hiện chương trình bảo vệ và phát triển rừng.

- Việc đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất nông, lâm, thủy sản; kết quả các mô hình hiệu quả và việc nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp điển hình... Đánh giá tình hình khai thác tiềm năng, lợi thế về phát triển nuôi trồng thủy sản trên lòng hồ thủy điện Sơn La.

2.2.2. Chương trình xây dựng nông thôn mới

- Việc huy động vốn triển khai các công trình hạ tầng trên địa bàn nông thôn; việc triển khai xây dựng các tuyến đường giao thông nông thôn theo Nghị quyết của HĐND tỉnh; việc thực hiện các tiêu chí về nông thôn mới.

- Kết quả nổi bật làm thay đổi bộ mặt nông thôn: Kết quả trong 5 năm 2016-2020 đã đầu tư xây dựng mới, nâng cấp sửa chữa bao nhiêu công trình thủy lợi, kênh mương, đường trục bản, đường nội bản, đường nội đồng, chợ nông thôn, nhà văn hóa bản, công trình điện, nhà lớp học, xóa hộ nghèo...

2.2.3. Sản xuất công nghiệp

- Đánh giá kết quả sản xuất, giá trị đóng góp của từng ngành công nghiệp (chế biến, chế tạo; sản xuất phân phối điện; khai khoáng...); năng lực sản xuất mới tăng thêm của từng ngành công nghiệp cụ thể.

- Tiến độ triển khai khu công nghiệp, cụm công nghiệp, nhà máy chế biến nông sản trên địa bàn.

- Tình hình thực hiện Chương trình cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia giai đoạn 2016-2020...

2.2.4. Thương mại - dịch vụ

- Đánh giá tình hình hoạt động thương mại, các ngành dịch vụ truyền thống, các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, đóng góp cho tăng trưởng kinh tế; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội.

- Tình hình nghiên cứu, phát triển thị trường tiêu thụ hàng hóa, đặc biệt là hàng hóa nông sản tham gia xuất khẩu. Kết quả giá trị hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; giá trị hàng hóa nông sản, thực phẩm tham gia xuất khẩu.

2.2.5. Tài chính - ngân hàng

- Đánh giá công tác quản lý, điều hành thu, chi ngân sách; trong đó tập trung đánh giá về cơ cấu thu, nhiệm vụ chi; kết quả tham mưu triển khai thực hiện các cơ

chế, chính sách hỗ trợ từ nguồn ngân sách cho đầu tư phát triển, cho thực hiện các chương trình, dự án trọng điểm và hỗ trợ thực hiện các chính sách xã hội của tỉnh...

- Đánh giá hoạt động của hệ thống tín dụng trên địa bàn (các ngân hàng thương mại, quỹ tín dụng); công tác huy động vốn tại địa phương; việc thực hiện các chính sách tín dụng, mở rộng hệ thống tín dụng, dư nợ cho vay, nợ xấu...

2.2.6. Đầu tư phát triển

- Việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển; công tác thu hút đầu tư trên địa bàn. Tình hình thực hiện các dự án thu hút đầu tư, các dự án trọng điểm của tỉnh.

- Công tác quản lý, việc cân đối, bố trí các nguồn vốn đầu tư công; công tác quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn.

2.2.7. *Phát triển doanh nghiệp và kinh tế tập thể*: Tình hình sắp xếp doanh nghiệp nhà nước; tình hình phát triển các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh gắn với việc thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ; tình hình phát triển kinh tế tập thể gắn với đánh giá hiệu quả hoạt động và khả năng giải quyết việc làm cho lao động địa phương.

2.3. Tình hình thực hiện quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; triển khai và thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững; ngăn ngừa và xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt tình hình khai thác cát sỏi trái phép, xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, tình hình hạn hán, sạt lở, tình trạng ô nhiễm môi trường đô thị...

2.4. Trong các lĩnh vực xã hội, các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo đánh giá sát đúng, đầy đủ và toàn diện về các lĩnh vực xã hội, cụ thể như sau:

- Giáo dục đào tạo: Đánh giá về quy mô, chất lượng đào tạo ở các cấp học; công tác đổi mới phương pháp dạy và học, việc củng cố kết quả phổ cập giáo dục, công tác xóa mù chữ; kết quả tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh bán trú; cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập; kết quả thu hút các nguồn lực của xã hội để thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục; kết quả chuyển đổi cơ cấu ngành nghề đào tạo, hình thức đào tạo và việc đáp ứng nhu cầu thị trường lao động...

- Khoa học công nghệ: Đánh giá về kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào thực tiễn sản xuất và đời sống xã hội, những đóng góp của khoa học công nghệ vào tăng trưởng kinh tế; kết quả đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu (thương hiệu) cho các sản phẩm nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh; vấn đề đào tạo và sử dụng nhân lực chất lượng cao, công tác xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ có trình độ tiên tiến.

- Công tác y tế, dân số và chăm sóc sức khỏe nhân dân: Kết quả phát triển mạng lưới y tế, trang thiết bị y tế hiện đại phục vụ công tác khám chữa bệnh; kết quả thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã trong tình hình mới; kết quả, chất lượng công tác khám chữa bệnh cho nhân dân; việc thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân; công tác phòng chống dịch bệnh và HIV/AIDS; công tác vệ sinh an toàn thực phẩm; công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em, dân số - kế hoạch hóa gia đình; việc huy động các nguồn lực đầu tư cho phát triển lĩnh vực y tế...

- Văn hóa, thể thao và du lịch: Việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; đánh giá tình hình thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; tình hình xây dựng và phát triển thể thao thành tích cao, phong trào thể dục, thể thao quần chúng; kết quả việc huy động các nguồn lực đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước và xã hội hóa cùng xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng; đánh giá kết quả phát triển du lịch.

- Thông tin truyền thông: Kết quả các hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình; công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, sự kiện chính trị; phát triển hệ thống viễn thông, Internet, phát triển hệ thống phát thanh, truyền thanh, truyền hình cơ sở...

- Đánh giá việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Trung ương và địa phương về an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững. Kết quả thực hiện các mục tiêu về tiến bộ và công bằng xã hội; công tác bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo; các giải pháp chính sách cải cách tiền lương, bảo hiểm xã hội, tạo việc làm, cải thiện thu nhập, đời sống; tình hình thực hiện các quyền của trẻ em, phát triển thanh niên, chăm sóc người có công và bình đẳng giới; thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng; giải quyết các vấn đề xã hội khác (*ma túy, di dịch cư tự do, truyền đạo trái phép...*).

2.5. Tình hình thực hiện công tác quy hoạch; phát triển đô thị; thị trường bất động sản; thực hiện Chương trình phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh.

2.6. Công tác ổn định đời sống nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội các vùng tái định cư.

2.7. Đánh giá về công tác cải cách hành chính; tình hình hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, cấp xã; việc triển khai thực hiện tinh giản biên chế và đổi mới sắp xếp tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết 18-NQ/TW và Nghị quyết 19-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XII; công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo; công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

2.8. Đánh giá về tình hình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia; bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, trong đó đánh giá cụ thể về tình hình di dịch cư tự do, truyền và học đạo trái phép, về phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông; chuyển hóa địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự...

2.9. Đánh giá tình hình quản lý các hoạt động đối ngoại trên địa bàn; công tác mở rộng hợp tác quốc tế, quan hệ hữu nghị và hợp tác với các tỉnh của nước CHDCND Lào; kinh tế đối ngoại; xúc tiến đầu tư nước ngoài, hợp tác với các đại sứ quán các nước, tổ chức quốc tế và các tỉnh nước bạn có chung biên giới...

3. Trên cơ sở tổng kết đánh giá các nội dung cụ thể nêu trên, đánh giá tổng quát về những kết quả đạt được, các hạn chế, yếu kém và nguyên nhân, nhất là

nguyên nhân chủ quan; rút ra những bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020.

II. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025

Trên cơ sở kết quả đánh giá đúng đắn, khách quan tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020 và dự báo tình hình trong nước, thế giới, khu vực trong giai đoạn tới ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung, của tỉnh nói riêng; căn cứ các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu đã được nêu tại Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 27/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh, các sở, ban, ngành và các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo ngành, lĩnh vực và địa phương bảo đảm tính đồng bộ, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, các ngành, các cấp, trong đó cần tập trung vào các nội dung chủ yếu dưới đây:

1. Dự báo được tình hình thế giới, khu vực và trong nước, những thuận lợi và khó khăn có tác động, ảnh hưởng tới phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của từng ngành, lĩnh vực và địa phương.

2. Xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 phải bảo đảm tính khả thi, gắn kết với khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; phù hợp với đặc điểm, trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương; trong đó quan tâm xây dựng các chỉ tiêu kinh tế - xã hội để phấn đấu đạt được tốc độ tăng sản phẩm bình quân trên địa bàn tỉnh 5 năm 2021-2025 đạt 7,5%/năm. Trong từng ngành, lĩnh vực, địa phương, cần phân tích, đánh giá, lựa chọn và sắp xếp thứ tự các mục tiêu ưu tiên trong kế hoạch 5 năm 2021-2025.

3. Xác định các nhiệm vụ, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và cơ cấu kinh tế trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, phải đảm bảo những nội dung cụ thể sau:

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình phát triển theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu ngành, lĩnh vực, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và đổi mới công nghệ, kết hợp phát triển mô hình tăng trưởng xanh, tăng nhanh giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện tốt các nhiệm vụ tái cơ cấu theo ngành, lĩnh vực; trong đó cần tập trung vào 3 lĩnh vực chủ yếu: tái cơ cấu đầu tư, trọng tâm là đầu tư công; tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng; sắp xếp lại hệ thống các doanh nghiệp nhà nước.

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính; phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát

triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng theo hướng ngày một hiện đại và đồng bộ.

- Khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế đi đôi với tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước, đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh khu vực doanh nghiệp tư nhân, bảo đảm cạnh tranh bình đẳng, minh bạch. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa để phát triển sản xuất, tạo thêm việc làm, cải thiện đời sống người lao động.

- Nuôi dưỡng và khai thác có hiệu quả các nguồn thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách triệt để tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường quản lý hệ thống tài chính - tiền tệ, huy động tăng trưởng tín dụng để đáp ứng nhu cầu vay phát triển kinh tế, giải quyết các vấn đề an sinh xã hội.

- Huy động, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực (*bao gồm vốn khu vực nhà nước, khu vực ngoài nhà nước và khu vực đầu tư trực tiếp của nước ngoài*) phục vụ cho phát triển sản xuất kinh doanh và hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển giáo dục đào tạo và phát triển mạnh khoa học và công nghệ. Tăng cường bảo hộ sở hữu trí tuệ, đưa khoa học công nghệ thực sự giữ vai trò then chốt và trở thành động lực phát triển. Tăng cường hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước.

- Phát triển văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Phát triển hệ thống an sinh xã hội đa dạng, tăng tính chia sẻ giữa Nhà nước, xã hội và người dân như đẩy mạnh xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, xây dựng các thiết chế văn hóa, xã hội phục vụ cộng đồng. Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách về giảm nghèo bảo đảm tính hệ thống và đồng bộ, khuyến khích người dân vươn lên thoát nghèo để kết quả giảm nghèo thực sự bền vững.

- Tập trung xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, coi trọng và bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa dân tộc; tăng cường công tác thông tin truyền thông; phát triển mạnh phong trào thể dục, thể thao để nâng cao thể chất. Thực hiện các chính sách lao động, việc làm, gắn với phát triển thị trường lao động. Chủ động, tích cực phòng chống dịch bệnh, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực y tế; ổn định quy mô dân số ở mức hợp lý. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc và tôn giáo, thực hiện bình đẳng giới, nâng cao vị thế của phụ nữ. Chú trọng công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ quyền lợi của trẻ em. Phát huy vai trò của người cao tuổi.

- Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai.

- Ổn định đời sống và phát triển sản xuất bền vững của các hộ dân vùng tái định cư các công trình thủy lợi, thủy điện và các dự án di dân tái định cư khác trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

- Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu, đặc biệt là tại các địa bàn trọng điểm, vùng biên giới. Chủ động đẩy mạnh hợp tác quốc tế về quốc phòng an ninh, nhất là vấn đề hợp tác quốc tế trong phòng chống ma túy. Tăng cường công tác phòng chống tệ nạn xã hội.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, đặc biệt trong quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế với các quốc gia, tổ chức quốc tế và trong quan hệ hợp tác toàn diện với các tỉnh nước CHDCND Lào.

4. Xây dựng các giải pháp, cơ chế, chính sách để thực hiện các mục tiêu, định hướng và nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2021-2025. Các giải pháp phải đảm bảo sự thống nhất, hướng tới việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện thực tiễn, trình độ phát triển của mỗi ngành, mỗi địa phương.

(Có hệ thống mẫu biểu tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo)

C. XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA UBND TỈNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025

Căn cứ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của cơ quan, đơn vị mình, các sở, ban, ngành và các huyện, thành phố xây dựng Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của sở, ngành và địa phương và đề xuất những nhiệm vụ, đề án đưa vào Chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 *(báo cáo theo Phụ lục III kèm theo)*.

D. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI VÀ TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025

I. HOÀN THIỆN KẾ HOẠCH (LẦN 1) BÁO CÁO BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

- Trước ngày 30/6/2020, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Sơn La hoàn thành xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và đề xuất Chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của ngành mình, cấp mình gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp (đồng thời gửi vào hộp thư điện tử: tonghopsl@gmail.com; th.skhdt@sonla.gov.vn).

- Trước ngày 15/7/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố, các chủ đầu tư tổng hợp, xây dựng dự thảo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, Chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 trình UBND tỉnh.

- Trước ngày 25/7/2020, UBND tỉnh gửi xin ý kiến Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh đối với dự thảo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

- Trước ngày 31/7/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu các ý kiến tham gia, hoàn chỉnh Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

II. HOÀN CHỈNH KẾ HOẠCH TRÌNH KỶ HỌP HĐND TỈNH

- Trước ngày 10/9/2020, các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố căn cứ kết quả thực hiện 9 tháng, cập nhật thông tin, bổ sung, chỉnh sửa hoàn thiện kế hoạch của ngành, đơn vị gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Trước ngày 15/9/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh kế hoạch trình UBND tỉnh báo cáo Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh trình xin ý kiến Ban Thường vụ tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

- Trong tháng 11 năm 2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố cập nhật kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm ước đến 31/12/2020 để hoàn thiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; tổ chức họp tư vấn xin ý kiến các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị liên quan, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; đồng thời trình Phiên họp thường kỳ tháng 11 của UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh vào Kỳ họp cuối năm 2020.

- Trước ngày 31/12/2020, căn cứ các Nghị quyết của HĐND cùng cấp, UBND các cấp giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 cho các đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện.

(Hệ thống biểu mẫu theo Phụ lục I, II và III đề nghị các cơ quan, đơn vị truy cập vào trang web: dpi.sonla.gov.vn để tải về)

Trong quá trình triển khai xây dựng kế hoạch, đề nghị các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi với Sở Kế hoạch và Đầu tư để xử lý, hướng dẫn bảo đảm thực hiện theo đúng tinh thần Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 27/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (BC);
- Ban Giám đốc Sở;
- Các phòng chuyên môn thuộc Sở;
- Lưu: VT, THQH.

GIÁM ĐỐC

Đặng Ngọc Hậu